CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT TRUNG

Số: 513.../VTM-VT

"V/v Mời chào giá cung cấp vật tư sắt thép phục vụ sản xuất"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bảo Thắng, ngày 12 tháng 05 năm 2022.

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Hiện nay, Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (VTM) đang có nhu cầu sử dụng các loại vật tư để phục vụ sản xuất. VTM mời các nhà cung cấp có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia chào giá để cung cấp các loại vật tư theo những nội dung sau:

I. Thông tin và yêu cầu vật tư, hàng hóa cần mua.

1. Danh mục vật tư, số lượng và chất lượng:

1.1. Danh mục, số lượng vật tư:

Chi tiết theo phụ biểu số 01 đính kèm.

1.2. Chất lượng:

- Đảm bảo các yêu cầu theo danh mục trên hoặc loại tương đương phù hợp với mục đích sử dụng của VTM.

- Hàng mới 100% và có các giấy tờ chứng minh được nguồn gốc, chất lượng, tính chất hàng hóa hoặc cam kết chất lượng và xuất xứ của Nhà cung cấp.

2. Điều kiện giao hàng:

- Hàng hóa có thể giao một hoặc nhiều đợt(lô). Sau mỗi lô giao nhận hai bên làm các thủ tục để nghiệm thu, thanh toán giá trị lô hàng.

- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư của Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (Địa chỉ: Nhà máy gang thép Lào Cai, KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai).

- Thời gian toàn bộ số lượng, chủng loại hàng hóa: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

- Phương thức giao nhận hàng: Tại kho Bên mua trên Phương tiện của Bên Bán.

3. Thời gian thanh toán:

Sau mỗi lô giao nhận hoặc vào cuối mỗi tháng hai bên thực hiện đối chiếu số lượng giao nhận thực tế để thanh toán giá trị thực hiện. Bên Mua thanh toán 100% giá trị lô hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày 02 bên hoàn thiện hồ sơ thanh toán.

4. Loại Hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.

II. Yêu cầu đối với Nhà cung cấp (NCC):

+ NCC phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp phù hợp với mặt hàng chào giá.

+ Hạch toán tài chính độc lập.

+ Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

III. Hình thức tham gia chào giá:

1.Yêu cầu với hồ sơ chào giá:

4.1. Hồ sơ chào giá: Nhà cung cấp (NCC) phải chuẩn bị 01 bản gốc HSCG bao gồm các nội dung sau:

- Đơn Chào giá (theo Mẫu số 01) phải do đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay phải kèm theo giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương.

- NCC tham gia chào giá có thể chào tối thiểu một trong các Nhóm vật tư theo danh mục đính kèm; Tuy nhiên, NCC tham gia chào giá cho Nhóm nào thì phải chào đầy đủ các mặt hàng trong Nhóm đó thì mới được xem xét đánh giá lựa chọn cung cấp các mặt hàng trong Nhóm.

- Đơn giá, tổng giá trị trong Đơn chào giá được ghi chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại Kho Bên Mua và đã bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm cháy nổ và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.

- Thời hạn hiệu lực của Bản chào giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ thời điểm hết hạn nộp thư chào giá.

+ **Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm** (Áp dụng cho những đơn vị cấp hàng lần đầu cho VTM):

- Bản giới thiệu về Nhà cung cấp (theo mẫu 03)

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp ***(thời gian công chứng sau 30/09/2021)***.

- Có ít nhất 01 hợp đồng cung cấp hàng hóa có tính chất tương tự trong vòng 02 năm gần đây tính đến thời điểm đóng hồ sơ chào giá, (bao gồm cả các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành ít nhất 80 % khối lượng theo hợp đồng). (bản sao công chứng).

- Các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm, catalogue giới thiệu về hàng hóa (nếu có).

1. Hình thức nộp, nhận và đóng, mở hồ sơ chào giá

a. Nộp hồ sơ chào giá:

- Bộ hồ sơ chào giá của NCC phải được đóng gói kín, có dấu niêm phong của NCC bên ngoài phải ghi rõ các nội dung sau:

+ "Hồ sơ chào giá cung cấp vật tư sắt thép phục vụ sản xuất" theo thư mời số:513/VTM-VT ngày 12.. tháng .05. năm 2022 của VTM

+ Tên NCC, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của NCC.

- Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá:

Bộ hồ sơ chào giá của NCC phải được Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến bên mời chào giá theo địa chỉ sau:

Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (Địa chỉ: Khu CN Tằng Loỏng, thị trấn Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Điện thoại: 0214 3 836885).

b. Thời gian nhận Hồ sơ chào giá:

Từ ngày phát hành thư mời đến . 8 . giờ 30 phút ngày 20 tháng 5 năm 2022, VTM sẽ không tiếp nhận và không xem xét đối với các HSCG nộp sau thời điểm quy định tại mục này (ngoại trừ đã được gia hạn theo quy định).

c. Đóng, mở Hồ sơ chào giá

Bên mời chào giá sẽ tổ chức đóng, mở hồ sơ chào giá công khai tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung từ 9 giờ 00 phút ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Bên mời chào giá mời các NCC đã nộp HSCG chứng kiến và xác nhận việc đóng, mở các HSCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở HSCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong TMCG mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không có mặt của các NCC này.

Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung rất mong nhận được sự hợp tác và bản chào giá tốt nhất của các nhà cung cấp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban ĐH;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu: VT, PVT(Q), Tổ TVMS.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5300232681 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT TRUNG H. BẢO THẮNG - T. LÀO CAI

Nguyễn Phú Dương

Mẫu số 01: Đơn chào giá

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn Chào giá]*

Tên đơn hàng: _____ *[Ghi tên đơn hàng theo HSMCG]*

Kính gửi: Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (VTM)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá (HSMCG) tại văn bản số: …../VTM-VT ngày … tháng …. năm 2022 của VTM về việc Mời chào giá cung cấp vật tư sắt thép phục vụ sản xuất, chúng tôi, ____ *[Ghi tên NCC],* cam kết thực hiện đơn hàng *[Ghi tên đơn hàng theo HSMCG]*theo đúng yêu cầu của HSMCG với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một HSCG này.

2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật, không trong thời gian bị cưỡng chế thuế.

3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin được nêu trong HSCG trước Bên mời chào giá và trước pháp luật.

4. Cung cấp hàng hoá có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và hợp pháp, nếu sai sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bên Mua

Nếu HSCG của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSMCG .

HSCG này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày *(tối thiểu 30 ngày)*, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp HSCG].*

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02: Biểu chi tiết giá chào của hàng hóa

BIỂU CHI TIẾT GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn Chào giá]*

Tên đơn hàng: _____ *[Ghi tên đơn hàng theo HSMCG]*

STT	**Tên, chủng loại vật tư**	**Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm**	**ĐVT**	**Số lượng**	**Đơn giá** *(đồng/ĐVT)*	**Thành tiền** *(đồng)*	**Thời gian giao hàng, Thời gian bảo hành (nếu có)**	**Giấy tờ kèm theo**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (5)x(6)	(8)	(9)
I	**Nhóm .....**	**.....**				**.....**		
1	.....							
2	.....							
....	.....							
II	**Nhóm .....**	**.....**				**.....**		
1	.....							
2	.....							

STT	Tên, chủng loại vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá *(đồng/ĐVT)*	Thành tiền *(đồng)*	Thời gian giao hàng, Thời gian bảo hành (nếu có)	Giấy tờ kèm theo
….	…….							
…	…….	……				……..		
Cộng giá chào trước thuế:								
Thuế VAT :								
Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)								

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

- Địa điểm giao hàng:…….
- Hình thức giao nhận:……
- Các dịch vụ kèm theo báo giá (nếu có).
- Cam kết lắp đặt (nếu có):……..
- Thời gian thanh toán: ……

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của Bên mời chào giá bao gồm các chi phí như: phí, lệ phí (nếu có), vận chuyển, v.v… Khi tham gia Chào giá, NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm theo quy định.
- Thời gian giao hàng tại cột (8) là khả năng đáp ứng của NCC tính từ khi nhận được thông báo giao hàng của Bên Mua.

Mẫu số 03: Bảng kê khai thông tin về nhà cung cấp

BẢNG THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

……..,ngày…….tháng……..năm 20…

Tên NCC: ……..[ghi tên đầy đủ của NCC]

Địa chỉ:……..[ghi địa chỉ đầy đủ]

Điện thoại:……

Fax:……..

E-mail:……

Đại diện theo pháp luật của NCC: ……

Các thông tin khác: (giới thiệu về quy mô, năng lực,…)

……

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

DANH MỤC VẬT TƯ HÀNG HÓA

Đính kèm thư mời chào giá số: 513/VTM-VT ngày 12 tháng 05 Năm 2022

Stt	Tên, chủng loại vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng sử dụng	Đvt	Số lượng tạm tính	Thời gian giao hàng	Ghi chú *(kích thước yêu cầu)*
	I. Nhóm Thép ống						
1	Thép tròn trơn C45	Ø105x6000	Trục bánh xe cầu xuất phôi	kg	204	30 ngày	
2	Thép tròn trơn C45	Ø125x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi	kg	289	30 ngày	
3	Thép tròn trơn phi 18	Ø18x6000	C/t sàng quặng cục	kg	599	30 ngày	
4	Thép tròn trơn CT45 phi 30x6000	Ø30x6000	Trục visme, bulong ngón nối	kg	167	30 ngày	
5	Thép tròn trơn C45 phi 36x6000	Ø36x6000	Trục visme, bulong ngón nối	kg	240	30 ngày	
6	Thép tròn trơn C45 phi 40x6000	Ø40x6000	Trục rulo băng tải, rulo chuyển hướng	kg	296	30 ngày	
7	Thép tròn trơn C45 phi 45 x6000	Ø45x6000	Trục rulo băng tải, rulo chuyển hướng	kg	75	30 ngày	
8	Thép tròn trơn CT45 phi 50x6000	Ø50x6000	Trục rulo băng tải, rulo chuyển hướng	kg	93	30 ngày	
9	Thép tròn trơn phi 55x6000	Ø55x6000	Trục rulo băng tải, rulo chuyển hướng	kg	112	30 ngày	Ø55
10	Thép tròn đặc CT45 phi 60x6000	Ø60x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi	kg	133	30 ngày	Ø60
11	Thép tròn trơn CT45 phi 65x6000	Ø65x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi	kg	156	30 ngày	Ø65
12	Thép tròn đặc C45 phi 70x6000	Ø70x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi	kg	182	30 ngày	Ø70
13	Thép tròn đặc C45 phi 75x6000	Ø75x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi	kg	208	30 ngày	Ø75
14	Thép tròn trơn C45 phi 80x6000	Ø80x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi	kg	237	30 ngày	Ø80
15	Thép tròn trơn C45 phi 85x6000	Ø85x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi	kg	268	30 ngày	Ø85
16	Thép tròn đặc CT45 phi 90x6000	Ø90x6000	Trục bánh xe cầu xuất phôi	kg	150	30 ngày	Ø90
17	Thép tròn trơn C45 phi 95x6000	Ø95x6000	Trục bánh xe cầu xuất phôi	kg	167	30 ngày	Ø95
18	Thép tròn trơn phi 100x6000	Ø100x6000	Trục bánh xe cầu xuất phôi	kg	185	30 ngày	Ø100
19	Thép tròn trơn C45 phi 110x6000	Ø110x6000	Trục bánh xe cầu xuất phôi	kg	224	30 ngày	Ø110
20	Thép tròn trơn C45 phi 120x6000	Ø120x6000	Trục bánh xe cầu xuất phôi	kg	266	30 ngày	Ø120
21	Thép tròn đặc CT45 phi 130x6000	Ø130x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi	kg	313	30 ngày	Ø130
22	Thép ống đúc Ø27	Đường kính ngoài Ø26,7 mm; Độ dày 3,9 mm; Độ dài 6m	Chế tạo ống phun than	kg	340	40 ngày	
23	Thép ống đúc Ø 325	Đường kính ngoài Ø323,9 mm; Độ dày 10,39mm; Độ dài 6m	Chế tạo rulo băng tải	kg	480	40 ngày	
24	Thép ống đúc Ø406	Đường kính ngoài Ø406,4 mm; Độ dày 12,7mm; Độ dài 6m	Chế tạo rulo băng tải	kg	728	40 ngày	
25	Thép ống đúc 20G	phi 42x5x6000	sữa chữa rò nước lò chuyển	kg	133	40 ngày	5 ống

Stt	Tên, chủng loại vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng sử dụng	Đvt	Số lượng tạm tính	Thời gian giao hàng	Ghi chú *(kích thước yêu cầu)*
	II. Nhóm tôn, thép hình, thép hộp				0		
1	Tôn lợp màu xanh	6 sóng, kích thước 1080x0.45x6000	Thay thế tôn mái các vị trí bị mọt thủng	Tấm	50	10-30 ngày	
2	Thép hộp mạ kẽm	40x80x1.4x6000	Phục vụ sản xuất	kg	3.076	10-30 ngày	
3	Thép hộp mạ kẽm	40x40x1.4x6000	Phục vụ sản xuất	kg	2.982	10-30 ngày	
4	Thép hình V75	V75x75x6x6000	Chế tạo khung giá băng tải, cầu con lăn	Kg	1.260	10-30 ngày	
5	Thép hình V63	V63x63x6x6000	Chế tạo khung giá băng tải, cầu con lăn	Kg	1.348	10-30 ngày	
6	Thép hình U140	U140x58x5x6,5x6000	Khung van xả bụi Khử bụi đầu, đuôi máy	Kg	735	10-30 ngày	
7	Thép hình U180	U180x64x6x6000	Hàn giằng khung nhà khử bụi túi vải	Kg	1.020	10-30 ngày	
8	Thép gai xoắn D36	D36	Khoan mở lỗ ra gang	Kg	60.000	10-30 ngày	
9	Thép hình U80	U80x40x4,2x6000	Chế tạo khung giá băng tải, cầu con lăn, sửa chữa quặng cục	kg	520	10-30 ngày	
10	Thép hình U120	U120x50x5x6000	Chế tạo khung giá băng tải, cầu con lăn, sửa chữa quặng cục: 900kg; sửa xe 630Kg; Boong ke liệu rời máy thiêu kết 3690Kg	kg	5.490	10-30 ngày	
11	Thép hình U150	U150x75x6,5x6000	Xe HOWO	kg	558	10-30 ngày	
	III. Nhóm thép tấm Q235						
1	Thép tấm nhám Q235 (Thép tấm chống trượt 4x1500x6000)	4x1500x6000	Phục vụ sản xuất	kg	6.007	30 ngày	
2	Thép tấm nhám Q235	5x1500x6000	thay thế sàn hành lang băng tải T1-S4, sàn máng gạt tập hợp khử bụi đầu máy, đuôi máy	Kg	5.298	30 ngày	
3	Thép tấm nhám Q235 *(Thép tấm chống trượt 6x1500x6000)*	6x1500x6000	Gia công sửa chữa; Tai con lăn băng tải, rèm băng tải	kg	2.990	30 ngày	
4	Thép tấm Q235	30x2000x6000	Mặt bích mỏ rót gang và lỗ ra thép	Kg	8.478	30 ngày	30x2000
5	Thép tấm Q235	70x2000x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi, xe cơ giới	kg	1.649	30 ngày	70x2000
6	Thép tấm Q235	50x2000x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi, xe cơ giới	kg	1.178	30 ngày	50x2000
7	Thép tấm Q235	40x2000x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi, xe cơ giới	kg	942	30 ngày	40x2000
8	Thép tấm Q235	25x2000x6000	Sửa chữa quặng cục, cầu xuất phôi, xe cơ giới	kg	2.355	30 ngày	25x2000
9	Thép tấm Q235	16x2000x6000	S/c quặng cục, cầu trục xuất phôi, xe cơ giới	kg	1.507	30 ngày	
10	Thép tấm Q235	14x1500x6000	S/c quặng cục, cầu trục xuất phôi, xe cơ giới	kg	1.318	30 ngày	
11	Thép tấm Q235 *(Thép tấm 3x1500x6000)*	3x1500x6000	Tai con lăn băng tải, sàn thao tác quặng cục , sửa chữa dây truyền quặng cục	kg	212	30 ngày	
	III. Nhóm thép tấm Q345				0		

Stt	Tên, chủng loại vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng sử dụng	Đvt	Số lượng tạm tính	Thời gian giao hàng	Ghi chú *(kích thước yêu cầu)*
1	Thép tấm Q345B	5x1500x6000	Phục vụ sản xuất	kg	2.937	30 ngày	
2	Thép tấm Q345B	16x1500x6000	Phục vụ sản xuất	kg	6.086	30 ngày	
3	Thép tấm Q345B	10x1500x6000	Phục vụ sản xuất	kg	15.619	30 ngày	
4	Thép tấm Q345B	8x1500x6000	Hàn ghép gia cố phễu + ống gió tổng máy thiêu kết mòn thủng: 565kg; sửa xe HOWO 3390Kg; Gia công máy cấp liệu rung, cánh van xả bụi Khử bụi đầu, đuôi máy	Kg	15.823	40 ngày	
5	Thép tấm Q345B	12x1500x6000	Gia công van 2 tầng D1, hàn phễu D1; phục vụ sx	Kg	10.217	40 ngày	
6	Thép tấm Q345B	16x2000x6000	Phễu liệu rời D1, Phễu dỡ liệu	Kg	3.012	40 ngày	
7	Thép tấm Q345B	12x2000x6000	Gia công sửa chữa	kg	4.580	40 ngày	
8	Thép tấm Q345B	18x2000x6000	Gia công sửa chữa	kg	10.302	40 ngày	18x2000
9	Thép tấm Q345B	25x2000x6000	Hàn thành máng xỉ hạt; Chế tạo vành thùng nước gang	kg	9.770	40 ngày	25x2000
10	Thép tấm Q345B	20x2000x6000	S/c gầu xúc lật	kg	7.584	40 ngày	20x2000
11	Thép tấm 65Mn	6x1500x6000	Máy chống chuyển M10, M40	Kg	424	40 ngày	
12	Thép tấm inox SUS 316L	14x2000x6000	thay đổi kết cấu giá đỡ con lăn buồng nguội	Kg	4.020	30 ngày	3 tấm 14x2000x6000